

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2019
V/v: “Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Sơn và ông Nguyễn Huy Sự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2019/TLST - HNGĐ ngày 09/9/2019 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST – HNGĐ ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1984; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn Đội x, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1977; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 15/02/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại quê chồng đến giữa năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L thường xuyên vô cớ đánh chửi chị; chị cố gắng chịu đựng nhưng đến tháng 10/2004 do anh L đánh chửi chị thậm tệ nên chị đã phải mang con về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay vợ chồng không còn gặp gỡ nói chuyện với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về quan hệ con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là cháu Hoàng Văn K, sinh ngày 01/01/2003; hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu K và không đề nghị anh L phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về quan hệ tài sản (tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn): Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Bùi Thị H vào ngày 15/02/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không biết bảo ban nhau trong việc làm kinh tế cũng như trong sinh hoạt hàng ngày dẫn đến đánh cãi chửi nhau. Cuối năm 2004 chị H đã mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh cũng không đi tìm về. Cách đây khoảng 3 – 4 năm anh làm đơn ly hôn chị H nhưng do chị H đi làm không có mặt ở nhà nên anh đã rút đơn về. Nay chị H kiện ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị H.

- Về quan hệ con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là cháu Hoàng Văn K, sinh ngày 01/01/2003; hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi cháu K và không góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị H do anh đang phải nuôi mẹ già. Sau này có điều kiện anh sẽ đóng góp theo khả năng.

- Về quan hệ tài sản (tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn): Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

[3] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Hoàng Văn L.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Văn K, sinh ngày 01/01/2003 cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu K cho chị H.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn; bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Do anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Long là đúng quy định.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Hoàng Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 15/02/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến giữa năm 2004 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L là người nóng tính, gia trưởng nên khi chị H làm gì không đúng ý anh L thì anh L chửi bới, đánh chị H. Do không chịu được việc anh L thường xuyên chửi bới đánh đập nên từ tháng 10/2004 chị H đã mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; anh L cũng không đi tìm nên từ đó đến nay vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn chăm lo chăm sóc đến nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù cả chị H và anh L đều đồng ý ly hôn nhau nhưng do anh L không tham gia hòa giải nên vụ án phải đưa ra xét xử. Xét khả năng chị H anh L đoàn tụ về chung sống là không còn nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H; xử cho chị H ly hôn anh L là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Hoàng Văn L có một con chung là cháu Hoàng Văn K, sinh ngày 01/01/2003, hiện đang ở cùng chị H. Xét đề nghị của chị H và anh L để chị H tiếp tục nuôi cháu K và anh L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu K, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận đề nghị này của anh chị.

[3] Về quan hệ tài sản (tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng) và trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H, anh L tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Hoàng Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Văn K, sinh ngày 01/01/2003 cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu K cho chị H. Chị H và các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Bùi Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục theo biên lai số AA/2015/0002379 ngày 05/9/2019 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải chịu. Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(Đã ký)